TAND HUYỆN TRIỆU SƠN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 61 /2020 /QĐST- HNGĐ

Triệu Sơn, ngày 25 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 61/2020/TLST/HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Trọng T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Đội 3 Đại Long, xã H, huyện Hoằng H, Thanh H

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn Q, xã Khuyến N, huyện Triệu S, Thanh H

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 81; 82; 83 luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự ; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1.**Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Nguyên đơn: Anh Lê Trọng T, sinh năm 1985

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Trọng T và chị Nguyễn Thị L.

- *Về con chung*: Vợ chồng anh, chị có 02 con chung với nhau tên các cháu là Lê Thị Mai H, sinh ngày 26/9/2010 và Lê Thị Mai P, sinh ngày 16/8/2013. Hiện

nay các cháu đang ở cùng chị L. Ly hôn anh, chị thỏa thuận giao cháu Mai H và Mai P cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.500.000đ/ 1 cháu (02 cháu mỗi tháng 3.000.000đ) kể từ tháng 3 năm 2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh T được quyền đi lại chăm sóc con chung, chị L và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm cản trở.

- *Về tài sản và phần nợ***:** Vợ chồng anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Vợ chồng anh, chị thỏa thuận, anh T nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn) anh Thứ đã nộp theo biên lai số AA/2018/0003880 ngày 19 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn được trừ 150.000 tiền án phí ly hôn sơ thẩm, và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận
- Các đương sự
- VKS Triệu Sơn
- Chi cục thi hành án Triệu Sơn
- UBND xã Hoằng Thanh
- phòng Giám đốc án
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Lê Thị Thủy